

Bản án số: 33/2021/DS-PT  
Ngày 23-7-2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Tiến Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Cảnh

Bà Đinh Thị Như Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án của  
Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên  
tòa:** Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc  
thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 9 tháng 4 năm 2021 về  
tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 2 tháng 3 năm 2021 của  
Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐ-PT ngày 13  
tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích D; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện Ch,  
tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Bích D có mặt.

*Bị đơn:* Chị Siu H; địa chỉ: Thôn Plei Kly Phun, thị trấn N, huyện Ch, tỉnh  
Gia Lai. Chị Siu H có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Kpă P; cư trú cùng địa chỉ của  
chị Siu H. Anh Kpă P vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Siu H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là chị Trần Thị Bích D trình bày:*

Ngày 15-3-2018, chị Siu H vay tiền của chị 2 lần, gồm:

- Lần thứ nhất, chị Siu H vay 150.000.000 đồng với thời hạn là 3 tháng, kể  
từ ngày vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Chị Siu H đã trả khoản tiền này vào  
ngày 21-8-2019. Sau khi chị Siu H trả khoản tiền này, chị đã ký vào 2 giấy biên  
nhận tiền do chị H’Ler viết ra, mỗi bên giữ một bản và chị đã trả

lại cho chị Siu H bản gốc của “giấy mượn tiền” đề ngày 15-3-2018 mà chị Siu H viết khi vay 150.000.000 đồng.

- Lần thứ hai, chị Siu H vay 130.000.000 đồng với thời hạn là 1 tháng rưỡi, kể từ ngày vay và lãi suất là 3%/tháng. Chị Siu H không trả cho chị 130.000.000 đồng này và không trả tiền lãi khi đến hạn.

Tuy chị Siu H vay, viết và kí tại hai giấy mượn tiền, nhưng anh Kpă P, chồng của chị Siu H biết; do đó, chị yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Siu H phải trả 130.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi từ ngày 16-3-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 20%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Siu H phải liên đới trả nợ cho chị 130.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 16-3-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, làm tròn là 35 tháng, với mức lãi 10%/năm, số tiền lãi là 37.916.666 đồng.

*Bị đơn là chị Siu H trình bày:*

Ngày 15-3-2018, chị chỉ vay chị D 150.000.000 đồng và đã trả số tiền này vào ngày 21-8-2019.

Đối với giấy vay 130.000.000 đồng đề ngày 15-3-2018, là giấy nợ do chị viết sau khi chị đã trả cho chị D 20.000.000 đồng trong số nợ 150.000.000 đồng. Sau khi chị trả 20.000.000 đồng, chị D bắt buộc chị phải viết thêm giấy nợ 130.000.000 đồng và cũng đề ngày 15-3-2018. Chị D dùng giấy nợ 130.000.000 đồng này để khởi kiện chị, là không đúng sự thật vì chị không còn nợ. Chị vay tiền của chị D là để cho người khác vay lại, chị D biết việc này, không liên quan gì đến chồng của chị là anh Kpă P. Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Kpă P trình bày:*

Anh thống nhất với lời khai của chị Siu H và anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 2 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Ch đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

*Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích D.

Buộc chị Siu H phải trả cho chị Trần Thị Bích D 130.000.000 đồng nợ gốc và 37.916.666 đồng nợ lãi, tổng cộng là 167.916.666 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; quyết định về nghĩa vụ chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, chị Siu H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Siu H kháng cáo và trình bày rằng, ngày 15-3-2018, chị chỉ vay của chị D 150.000.000 đồng và chị đã trả hết nợ cho chị D vào ngày 21-8-2019 tại trụ sở Ngân hàng An Bình huyện Chư Sê, chị không còn nợ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tuy trình bày như vậy, nhưng bị đơn lại không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, lời trình bày này của bị đơn lại không được nguyên đơn thừa nhận, nên không phải là chứng cứ; mặt khác, lời trình bày của bị đơn lại không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Do đó, kháng cáo của chị Siu H không có cơ sở.

Chị Siu H có giao nộp cho Tòa án các tài liệu có tiêu đề “*đơn xin giải trình bổ sung*” (bút lục số 140 và số 141), bản photocopy của văn bản có tiêu đề “*đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng*” (bút lục từ số 136 đến số 139) và “*danh sách các hộ tôi đứng ra vay giùm tiền của bà Trần Thị Bích D*” (bút lục số 135). Xem xét nội dung tại các tài liệu này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Nội dung thể hiện tại “*đơn xin giải trình bổ sung*” chỉ là lời trình bày của bị đơn và lời trình bày này của bị đơn lại không được nguyên đơn thừa nhận, nên không phải là chứng cứ.

- Việc tố cáo về cho vay lãi nặng, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; mặt khác, nội dung thể hiện tại “*đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng*” chỉ là lời trình bày của bị đơn và cũng không được nguyên đơn thừa nhận, nên không phải là chứng cứ.

- Nếu có việc chị Siu H vay tiền của chị D để cho những người có tên trong “*danh sách các hộ tôi đứng ra vay giùm tiền của bà Trần Thị Bích D*” vay, thì đó chỉ là giao dịch giữa chị Siu H với những người có tên trong danh sách và không có sự liên quan nào của chị D trong sự việc này; chị D cũng không thừa nhận nội dung và lời trình bày của bị đơn liên quan đến “*danh sách các hộ tôi đứng ra vay giùm tiền của bà Trần Thị Bích D*” do bị đơn giao nộp.

Do đó, nội dung tại các tài liệu mà chị Siu H giao nộp không chứng minh cho sự việc bị đơn đã trả 130.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc cho nguyên đơn.

[2] Nguyên đơn yêu cầu chị Siu H và chồng là anh Kpă P phải trả 130.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi trên nợ gốc từ ngày 16-3-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi 10%/tháng và trình bày rằng, chị Siu H vay khoản tiền này ngày 15-3-2018 với thời hạn vay là 1 tháng rưỡi, kể từ ngày 15-3-2018.

Để chứng minh, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là tài liệu có tiêu đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 15-3-2018, được Tòa án cấp sơ thẩm đóng dấu bút lục số 25; giấy này có nội dung thể hiện ngày 15-3-2018, chị Siu H “*mượn*” của chị Trần Thị Bích D 130.000.000 đồng với thời hạn là 1 tháng rưỡi, kể từ ngày 15-3-2018 và với lãi suất là 3%/tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy nội dung tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” (*bút lục số 25*) thể hiện ngày 15-3-2018, chị Siu H “*mượn*” của chị D 130.000.000 đồng, nhưng số tiền này là tài sản tiêu hao, nên theo quy định tại Điều 495 của Bộ luật dân sự, đây không phải là đối tượng của hợp đồng mượn tài sản. Vì vậy, có căn cứ để xác định rằng, các bên đã xác lập với nhau hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Chị H’Ler thừa nhận chữ ký và chữ viết tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” (*bút lục số 25*) do nguyên đơn giao nộp, là chữ ký và chữ viết do chị ký và viết ra, nhưng cho rằng: Sở dĩ chị viết và ký tên tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” có nội dung ngày 15-3-2018, chị Siu H mượn của chị Trần Thị Bích D 130.000.000 đồng với thời hạn 1 tháng rưỡi, kể từ ngày 15-3-2018 và với lãi suất 3%/tháng, là do chị D bắt buộc chị viết để xác nhận chị đã trả 20.000.000 đồng của khoản vay 150.000.000 đồng mà chị đã vay của chị D ngày 15-3-2018; tuy nhiên, chị đã trả cho chị D 130.000.000 đồng còn lại đó vào ngày 21-8-2019, nhưng chị không lấy lại “GIẤY MƯỢN TIỀN” này và cũng không yêu cầu chị D viết giấy nhận tiền do chị trả, nên chị D lợi dụng sự sơ hở đó của chị để khởi kiện, là không đúng sự thật, thực tế chị chỉ vay chị D 150.000.000 đồng và đã trả hết nợ vào ngày 21-8-2019.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, lời khai này của bị đơn là không có căn cứ; bởi lẽ: Tuy trình bày như vậy, nhưng bị đơn không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình; mặt khác, chị D cũng không thừa nhận lời khai này của bị đơn. Hơn nữa, lời khai của bị đơn lại không phù hợp với nội dung đọc được 2 giấy tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” (*bút lục số 25 và số 34*) mà bị đơn thừa nhận đã viết ra. Tuy 2 giấy “GIẤY MƯỢN TIỀN” này thể hiện được viết vào cùng ngày 15-3-2018, nhưng thời hạn trả nợ của 2 khoản vay khác nhau, thời hạn trả khoản vay 150.000.000 đồng là 3 tháng rưỡi kể từ ngày 15-3-2018, còn thời hạn trả khoản vay 130.000.000 đồng là 1 tháng rưỡi kể từ ngày 15-3-2018; nội dung tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” của khoản vay 130.000.000 đồng hoàn toàn không thể hiện số tiền 130.000.000 đồng là khoản tiền nợ còn lại của khoản vay 150.000.000 đồng sau khi bị đơn trả 20.000.000 đồng như bị đơn khai.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để kết luận, ngày 15-3-2018, chị Siu H vay tiền của chị D 2 lần, một lần vay 150.000.000 đồng, một lần vay 130.000.000 đồng, là sự việc có thật.

Tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” của khoản vay 130.000.000 đồng (*bút lục số 25*) thể hiện lãi suất của 130.000.000 đồng là 3%/tháng và với thời hạn vay là đến ngày 30-4-2018. Tuy tại bản “*Kết luận giá định*” số 110/KLGĐ ngày 25-1-2021, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai kết luận “3%/tháng” tại “GIẤY MƯỢN TIỀN” của khoản vay 130.000.000 đồng (*bút lục số 25*) là không phải do chị Siu H viết ra, nhưng quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày lãi suất của hợp đồng vay 130.000.000 đồng là 3%/tháng, còn bị đơn trình bày, lãi suất của hợp đồng vay là 60%/tháng (*bút lục số 39*). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để xác định rằng, các bên đã xác lập với nhau hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn và có lãi.

Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, chị Siu H chưa trả 130.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc cho nguyên đơn và chỉ có bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn, không liên quan đến nghĩa vụ của anh Kpă P.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 130.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc từ ngày vay đến ngày 2-3-2021, là đúng pháp luật.

[3] Từ [1] và [2], Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Siu H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 2 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ch .

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích D.

Buộc chị Siu H phải trả cho chị Trần Thị Bích D 167.916.666 đồng, trong đó có 130.000.000 đồng nợ gốc và 37.916.666 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, chị Siu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Buộc chị Siu H phải chịu 8.395.833 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Bích D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Trần Thị Bích D 3.870.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006255 ngày 28-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Gia Lai.

Buộc chị Siu H phải chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định (*chị Siu H đã nộp đủ số tiền này*).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Siu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011094 ngày 22-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Gia Lai; chị Siu H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Ch;
- Chi cục THA dân sự huyện Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Tiến Dũng**